

CHỦ ĐỀ 3: ĐI CHỢ

BÀI 1: D d Đ đ (tiết 1 – 2, SHS, tr.30 – 31)

I. MỤC TIÊU

Chân trời sáng tạo

Giúp HS:

1a. Biết trao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên chủ đề gợi ra, sử dụng được một số từ khoá sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề *Đi chợ* (*đi chợ, chị và em, đu đủ, mua kính, kẹo, chuối, khế, lê, hoa hồng, hoa lan, ...*).

1b. Quan sát tranh khởi động, biết trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa *d, đ* (*dừa, dưa, dâu; đu đủ, đậu đỗ, ...*).

2. Nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ của *d, đ*; nhận diện cấu tạo tiếng, đánh vần đồng thanh lớn các tiếng *dé, đỗ*.

3. Viết được các chữ *d, đ* và các tiếng, từ có *d, đ* (*dé, đỗ*).

4. Đánh vần, đọc trơn, hiểu nghĩa các từ mở rộng; đọc được câu ứng dụng và hiểu nghĩa của câu ứng dụng mức độ đơn giản.

5. Nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có âm chữ được học có nội dung liên quan với nội dung bài học.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, SGK.
- Thẻ các chữ cái *d, đ*.
- Một số tranh ảnh minh hoạ kèm thẻ từ (*con dế, hạt đỗ (đậu) đỏ, con dê, hạt dẻ, ...*).
- Tranh chủ đề (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS có thể thực hiện trò chơi/ tham gia hoạt động giải trí có liên quan với chủ đề.
- Một vài HS đọc từ, câu/ viết từ/ nói câu có từ ngữ có tiếng chứa *ơ, , ô, ~, ơ, e, ê*.

2. Khởi động

- HS mở SHS, trang 30.
- HS lắng nghe GV giới thiệu tên chủ đề và quan sát chữ ghi tên chủ đề (GV có thể cho HS nhận diện và đọc chữ HS đã học: *ơ*).
- HS trao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên chủ đề (và tranh chủ đề, nếu có) gọi ra, sử dụng được một số từ khoá sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề (*đi chợ, dưa, dâu, đậu, chuối, bí, hoa, kẹo, kính, khế...*).
- HS quan sát tranh khởi động, trao đổi, nói ra những từ chứa tiếng có âm *d, đ* (*dưa hấu, dâu, dĩa, dế; đu đủ, đậu đũa, đỗ đỏ*¹).
- HS nêu các tiếng có *d, đ* đã tìm được (*dưa, dĩa, dâu, dế; đu đủ, đậu đũa, đỗ đỏ*).
- HS tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (có chứa âm *d, đ*).
- HS phát hiện ra âm *d, đ*.
- HS lắng nghe GV giới thiệu bài và quan sát chữ ghi tên bài (*D d Đ đ*).

3. Nhận diện âm chữ mới, tiếng có âm chữ mới

3.1. Nhận diện âm chữ mới

a. Nhận diện âm chữ *d*

- HS quan sát chữ *d* in thường, in hoa.
- HS đọc chữ *d*.

b. Nhận diện âm chữ *đ* (tương tự như với âm chữ *d*)

¹ GV giải thích "đậu" còn gọi là "đỗ".

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

a. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có âm chữ *d*

- HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *dé*.
- HS phân tích tiếng *dé* (gồm âm *d*, âm *e*, thanh sắc).
- HS đánh vần theo mô hình tiếng: *dờ-ê-dê-sắc-dé*.
- HS thử ghép thêm một số tiếng khác có chứa âm *d* (GV có thể cho HS ghép tiếng đã tìm được ở hoạt động khởi động).

b. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có âm chữ *đ*

- HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *đố*.

(Các bước còn lại tương tự với tiếng *dé*.)

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *dé*

- HS quan sát từ *dé*, phát hiện âm *d* trong tiếng khoá *dé*.
- HS đánh vần tiếng khoá: *dờ-ê-dê-sắc-dé*.
- HS đọc trơn từ khoá *dé*.

4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *đố* (tương tự từ khoá *dé*)

5. Tập viết

5.1. Viết vào bảng con

a. Viết chữ *d, dé*

a1. Viết chữ *d*

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của con chữ *d*.
- HS viết con chữ *d* vào bảng con.

- HS nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có.

a2. Viết chữ *dé*

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ *dé* (chữ *d* đứng trước, chữ *é* đứng sau, dấu ghi thanh sắc trên chữ *é*).

- HS viết chữ *dé* vào bảng con.

- HS nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có.

b. Viết chữ *đ* và *đố* (tương tự với *d, dé*)

5.2. Viết vào vở tập viết

- HS viết chữ *d, dé, đ, đố* vào VTV.

- HS nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có.
- HS tự chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

6.1. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

- HS đánh vần tiếng và đọc trơn các từ mở rộng chứa âm đầu *d, đ* (*dê, dê, bờ dê*).
- HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng.
- HS nói câu có từ mở rộng.
- HS có thể tìm thêm những tiếng/ từ có chứa *d, đ* (*da, dép; đầu, đồng hồ, đi, ...*)

6.2. Đánh vần và đọc câu ứng dụng

- HS nghe GV đọc mẫu, hướng dẫn nhớ chữ C in hoa.
- HS tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài đọc.
- HS đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng câu ứng dụng.
- HS tìm hiểu nghĩa của câu *Cô có đồ đồ*. (“Ai có đồ đồ?”, “Đồ đồ của ai?”).

7. Hoạt động mở rộng

- HS quan sát tranh, phát hiện nội dung tranh (*cái đàn, áo đầm, con diều*).
- HS xác định yêu cầu của HĐMR: nói về *cái đàn, áo đầm, con diều*.
- HS nói câu có các từ ngữ đã tìm dưới dạng trò chơi hỏi đáp (Mua gì? Bán gì?).

(Ngoài ra, HS có thể tham gia thi gọi tên nhanh các vật “Cái gì đây?”. Hoặc trò chơi đọc, nói, hát kèm vận động bài dạng đồng dao, cài đặt thêm *d, đ*, VD: *Dung dăng dung dè/ Dắt trẻ đi chơi/ Đội mũ lên đầu/ Đi chậm đi mau/ Đến gặp ông trời/ Xin vài hạt dè/ Dem về cho bé/ Dung dăng dung dè/ ...*).

8. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng, từ có *d, đ*.
- HS đọc, viết thêm ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *i k*).

BÀI 2: I i, K k (tiết 3 – 4, SHS tr.32 – 33)

I. MỤC TIÊU

(Tương tự bài 1: thay *d, đ* bằng *i, k*)

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Tương tự bài 1: thay *d, đ* bằng *i, k*)

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS tham gia trò chơi khởi động hoặc hoạt động giải trí có liên quan đến chủ đề.
- HS đọc từ, câu/ viết từ/ nói câu có từ ngữ có tiếng chứa *d, đ*.

2. Khởi động

- HS mở SHS, trang 32.
- HS quan sát tranh khởi động, trao đổi và nói ra những từ chứa tiếng có âm *i, k* (*đi chợ, dì, kéo, kìm, kính/ kiếng, kẹo, kê; bí đỏ, bí xanh/ bí đao, củ mì*).
- HS nêu các tiếng có *i, k* đã tìm được (*đi, dì, bí; kéo, kẹo, kìm, kính, kê*).
- HS tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (có chứa âm *i, k*).
- HS phát hiện âm *i, k*.
- HS lắng nghe GV giới thiệu bài và quan sát chữ ghi tên bài (*I i K k*).

3. Nhận diện âm chữ mới, tiếng có âm chữ mới

3.1. Nhận diện âm chữ mới

a. Nhận diện âm chữ *i*

- HS quan sát chữ *i* in thường, in hoa.
- HS đọc chữ *i*.

b. Nhận diện âm chữ *k* (tương tự với *i*)

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

a. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có âm chữ *i*

- HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *bi*.
- HS phân tích tiếng *bi* (gồm âm *b*, âm *i*).
- HS đánh vần theo mô hình tiếng: *bờ-i- bi*.

b. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có âm chữ k

- HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *kê*.
- (Các bước còn lại tương tự với tiếng *bi*.)

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *bi*

- HS quan sát từ *bi*, phát hiện âm *i* có trong từ khoá *bi*.
- HS đánh vần tiếng khoá: *bờ-i-bi*.
- HS đọc trơn từ khoá *bi*.

4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *kê* (tương tự từ khoá *bi*)

Lưu ý: HS có thể đánh vần tiếng *kê*: *cờ-ê-kê-nặng-kê/ca-ê-kê-nặng-kê* (chọn cách đánh vần theo âm hay theo tên chữ, GV cần thông báo với phụ huynh và nên thống nhất trong khối). Tài liệu này chọn cách đánh vần *ca-ê-kê-nặng-kê*.

5. Tập viết

5.1. Viết vào bảng con

a. Viết chữ *i, bi*

a1. Viết chữ *i*

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của con chữ *i*.
- (Các bước tiếp theo giống như viết chữ *d*.)

a2. Viết chữ *bi*

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ *bi* (chữ *b* đứng trước, chữ *i* đứng sau).

(Các bước tiếp theo giống như viết chữ *dế*.)

b. Viết chữ *k, kê* (tương tự như *d, đế*)

(GV nhắc HS trước *i, e, ê* viết *k*.)

5.2. Viết vào vở tập viết

- HS viết chữ *i, bi, k, kê* vào VTV.
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.
- HS tự chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

6.1. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

- HS đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng chứa *i, k* (*dì, kê, bí đỏ, ví da*).
- HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng.
- HS nói câu có từ mở rộng.
- HS có thể tìm thêm những tiếng/ từ khác có chứa âm *i, k* (*li, ti vi, kéo, kèn, ...*).

6.2. Đánh vần và đọc câu ứng dụng

- HS nghe GV đọc mẫu, hướng dẫn HS nhớ chữ *D* in hoa.
- HS tìm tiếng chứa có âm chữ mới có trong bài đọc.
- HS đánh vần một số từ khó đọc và đọc thành tiếng câu ứng dụng.
- HS tìm hiểu nghĩa của câu *Dì có bí đỏ*. (“Ai có bí đỏ?”, “Dì có gì?”).

7. Hoạt động mở rộng

- HS quan sát tranh, phát hiện nội dung tranh (*bút chì, bánh mì, kéo*).
- HS xác định yêu cầu của HĐMR: nói về *bút chì, bánh mì, kéo*.
- HS nói câu có các từ ngữ đã tìm (dưới dạng trò chơi hỏi đáp: *Mua gì?, Bán gì?*).

(Ngoài ra, GV có thể tổ chức trò chơi thi gọi tên nhanh các vật hoặc trò chơi kết hợp nói, hát bài mô phỏng bài đồng dao *Con kiến mà leo cành đa, cài đặt thêm i, k, gắn với chủ đề Đi chợ: Kì đà đi chợ đường xa/ Vừa ra đến cổng gặp bà kì không/...*)

8. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng, từ có *i, k*.
- HS đọc, viết thêm ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *l h*).

BÀI 3: L l H h (tiết 5 – 6, SHS tr.34 – 35)

I. MỤC TIÊU

(Tương tự bài 1: thay *d, đ* bằng *l, h*)

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Tương tự bài 1: thay *d, đ* bằng *l, h*)

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS tham gia trò chơi hoặc hoạt động giải trí có liên quan đến chủ đề.
- HS đọc từ ngữ, câu/ viết từ/ nói câu có từ ngữ có tiếng chứa *i, k*.

2. Khởi động

- HS mở SHS, trang 34.
- HS quan sát tranh khởi động, trao đổi và nói ra những từ chứa tiếng có âm *l, h* (thanh long, lê, lựu, lan, huệ, hoa hồng,...).
- HS tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (có chứa âm *l, h*).
- HS phát hiện *l, h*.
- HS lắng nghe GV giới thiệu bài và quan sát chữ ghi tên bài (*L l H h*).

3. Nhận diện âm chữ mới, tiếng có âm chữ mới

3.1. Nhận diện âm chữ mới

a. Nhận diện âm chữ *l*

- HS quan sát chữ *l* in thường, in hoa.
- HS đọc chữ *l*.

b. Nhận diện âm chữ *h* (tương tự như với *l*)

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

a. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có âm chữ *l*

- HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *lá*.
- HS phân tích tiếng *lá* (gồm âm *l*, âm *a*, thanh sắc).
- HS đánh vần theo mô hình tiếng: *lờ-a-la-sắc-lá*.

b. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có âm chữ **h**

– HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *hẹ*.

(Các bước còn lại tương tự với tiếng *lá*.)

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *lá*

– HS quan sát từ *lá*, phát hiện âm *l* trong từ khoá *lá*.

– HS đánh vần tiếng khoá: *lờ-a-la-sắc-lá*.

– HS đọc trơn từ khoá *lá*.

4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *hẹ* (tương tự từ khoá *lá*)

5. Tập viết

5.1. Viết vào băng con

a. Viết chữ *l*, *lá*

a1. Viết chữ **l**

– HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của con chữ *l*.

(Các bước tiếp theo giống như viết con chữ *d*.)

a2. Viết chữ **lá**

– HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ *lá*.

(Các bước tiếp theo giống như viết chữ *đé*.)

b. Viết chữ **h**, **hẹ** (tương tự như *d*, *đé*)

5.2. Viết vào vở tập viết

– HS viết chữ *l*, *lá*, *h*, *hẹ* vào VTV.

– HS nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có.

– HS tự chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

6.1. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

– HS đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng có tiếng chứa *l*, *h* (*lọ*, *lê*, *hồ*, *le le*).

– HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng.

– HS nói câu có từ ngữ mở rộng.

- HS có thể tìm thêm những tiếng/ từ khác có chứa âm *l, h* (*lu, làng, hoa, hàng, ...*).

6.2. Đánh vần và đọc câu ứng dụng

- HS nghe GV đọc mẫu, hướng dẫn HS nhớ chữ *D* in hoa.
- HS tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài đọc.
- HS đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng câu ứng dụng.
- HS tìm hiểu nghĩa của câu *Dì có hẹ và lê*. (“Dì có gì?”, “Hẹ và lê của ai?”).

7. Hoạt động mở rộng

- HS quan sát tranh, phát hiện nội dung tranh.
- HS xác định yêu cầu của HĐMR: nói/ hát, tạo ra các âm thanh có *l, h*.
- HS thi nói có nhịp điệu hoặc hát bài có *l, h*; VD: *la là lá la, ha hà há ha/ li lì lí li; hi hi hí hi/ lơ lơ lớ lơ; hơ hờ hớ hơ, ...* (Ngoài ra, GV có thể tổ chức một số trò chơi giúp HS nhận diện lại tiếng, từ chứa âm đầu *l, h*, như cho HS hát nối đuôi tên các loài hoa, ...)

8. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng, từ có *l, h*.
- HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *ch, kh*).

BÀI 4: CH KH (tiết 7 – 8, SHS, tr.36 – 37)

I. MỤC TIÊU

- (Tương tự bài 1: thay *d, đ* bằng *ch, kh*)

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- (Tương tự bài 1: thay *d, đ* bằng *ch, kh*)

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS tham gia trò chơi hoặc hoạt động giải trí có liên quan đến chủ đề bài học.
- HS đọc từ ngữ, câu; viết âm chữ, từ ngữ; nói câu có từ ngữ có tiếng chứa *l, h*.

2. Khởi động

- HS mở SHS, trang 36.

- HS quan sát tranh, trao đổi và nói ra những từ chứa tiếng có âm *ch*, *kh* (*khung ảnh, khăn, chổi, chậu, thú nhồi bông: chim, chó, khi, chanh, chuối, khế, ...*).
- HS tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (đều có chứa *ch*, *kh*).
- HS phát hiện *ch*, *kh*.
- HS lắng nghe GV giới thiệu bài và quan sát chữ ghi tên bài (*ch*, *kh*).

3. Nhận diện âm chữ mới, tiếng có âm chữ mới

3.1. Nhận diện âm chữ mới

a. Nhận diện âm chữ *ch*

- HS quan sát chữ *ch*.
- HS đọc chữ *ch*.

b. Nhận diện âm chữ *kh* (tương tự như với *ch*)

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

a. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có âm chữ *ch*

- HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *chợ*.
- HS phân tích tiếng *chợ* (gồm âm *ch*, âm *ơ*, thanh nặng).
- HS đánh vần theo mô hình tiếng: *chờ-ơ-chợ-nặng-chợ*.

b. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có âm chữ *kh*

- HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *khế*.

(Các bước còn lại tương tự với tiếng *chợ*.)

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *chợ*

- HS quan sát từ khoá *chợ*, phát hiện âm *ch* trong tiếng *chợ*.
- HS đánh vần tiếng khoá *chợ*: *chờ-ơ-chợ-nặng-chợ*.
- HS đọc trơn từ khoá *chợ*.

4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *khế* (tương tự từ khoá *chợ*)

5. Tập viết

5.1. Viết vào bảng con

a. Viết chữ *ch*, *chợ*

a1. Viết chữ *ch*

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ *ch* (gồm chữ *c* và chữ *h*).
- (Các bước tiếp theo giống như viết chữ *d*.)

a2. Viết chữ **chợ**

– HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ *chợ* (chữ *ch* đứng trước, chữ *ơ* đứng sau, dấu ghi thanh nặng dưới chữ *ơ*).

(Các bước tiếp theo giống như viết chữ *đế*.)

b. Viết chữ **kh, khế** (tương tự như *d, đế*)

5.2. Viết vào vở tập viết

– HS viết chữ *ch, chợ, kh, khế* vào VTV.

– HS nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có.

– HS tự chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

6.1. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

– HS đánh vần đồng thanh lớn các tiếng có *ch, kh* (*chả, kho, khô, chà là*¹).

– HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng.

– HS nói câu có từ ngữ mở rộng.

– HS có thể tìm thêm những tiếng, từ khác có chứa âm *ch, kh* (*chuối, khoai, ...*).

6.2. Đánh vần và đọc câu ứng dụng

– HS nghe GV đọc mẫu; hướng dẫn HS nhớ chữ B in hoa.

– HS tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài đọc.

– HS đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng câu ứng dụng.

– HS tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng *Bà cho bé khế và chà là*. (“Bà cho ai khế và chà là?”).

7. Hoạt động mở rộng

– HS quan sát tranh, phát hiện nội dung tranh (*cuộn chỉ, cái chổi, khuôn bánh*).

– HS xác định yêu cầu của HĐMR: nói câu có *cuộn chỉ, cái chổi, khuôn bánh*.

– HS nói câu có các từ ngữ đã tìm (dưới dạng trò chơi hỏi đáp: Mua gì? Bán gì?; hoặc GV cũng có thể tổ chức cho HS hỏi đáp theo dạng *cái gì, thế nào, làm gì, ...*)

8. Củng cố, dặn dò

– HS nhận diện lại tiếng, từ có *ch, kh*.

¹ Chà là: cây thuộc loại cau, dứa, quả to bằng quả nhót, vị ngọt, ăn được.

- HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Thực hành*).

THỰC HÀNH (tiết 9)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Kể đúng, đọc đúng các âm chữ *d, đ, i, k, l, h, ch, kh*.
2. Nhận diện đúng âm chữ được học trong tiếng, từ.
3. Đánh vần đúng các tiếng có *d, đ, i, k, l, h, ch, kh*; đọc thành tiếng bài đọc; đọc hiểu mức đơn giản.
4. Bước đầu nhận diện được quy tắc chính tả *c/ k*.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- VBT, SHS, SGK.
- Một số thẻ từ, câu.
- Bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS tham gia trò chơi hoặc hoạt động giải trí (Gợi ý trò chơi: *Con cá, con kiến ăn gì?*, GV dùng hình vẽ con cá, ghép với các chiếc lá có các chữ *ô, o, a*; hình vẽ con kiến, ghép với các chiếc lá có các chữ *i, ê, e*; HS tham gia trò chơi “Nhóm nào cho cá và kiến ăn nhanh nhất?”).

– HS đọc, viết, nói câu có từ ngữ chứa tiếng có âm chữ đã học (GV có thể tổ chức dưới dạng trò chơi hoặc câu hỏi).

2. Luyện tập đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nội dung bài đọc

2.1. Luyện tập đánh vần, đọc trơn từ ngữ

– HS lắng nghe GV đọc và tìm các tiếng có âm chữ mới học trong tuần, đánh vần các tiếng có *d, đ*,...

– HS đọc trơn tiếng/ từ chứa âm chữ mới.

2.2. Luyện tập đọc câu/ đoạn/ văn bản

– HS nghe GV đọc mẫu.

– HS đọc bài: *Dì và bé đi chợ. Chợ có he, khế, lê.*

– HS tìm hiểu nghĩa của bài được đọc (“Bé đi chợ với ai?”, “Chợ ở đâu?”, “Nêu tên hai loại trái cây được bài đọc nhắc đến.”).

– HS làm bài tập nói về câu dựa trên bài đọc.

– HS nhận xét bài mình, bài bạn; sửa lỗi nếu có.

3. Luyện tập thực hành các âm chữ mới

– HS quan sát các kí hiệu dùng trong VBT (VD: kí hiệu nói, viết, điền).

– HS làm bài tập, nói câu có từ ngữ chứa tiếng có vần được học trong tuần.

– Bài tập chính tả *c/ k*: HS quan sát hình vẽ kèm theo và làm bài tập. HS đọc đồng thanh câu “Trước *i, ê, e*, em viết chữ *k*”.

– HS rà soát, đánh giá bài mình, bài bạn; sửa lỗi nếu có.

4. Củng cố, dặn dò

– HS nhận diện lại tiếng/ từ có âm chữ mà HS thường mắc lỗi khi đọc viết.

– HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).

– HS biết chuẩn bị cho bài học sau (Bài *Ôn tập và kể chuyện*).

BÀI 5: ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN (tiết 10 – 12. SHS, tr. 38 – 39)

A. ÔN TẬP (tiết 10 – 11)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Kể đúng, đọc đúng các âm chữ *d, đ, i, k, l, h, ch, kh*; nhận diện các âm chữ đó trong bài đọc.

2. Sử dụng được các âm chữ đã học trong tuần để tạo tiếng mới.

3. Đánh vần các từ ngữ chứa âm chữ trong tuần và đọc bài đọc.

4. Thực hiện đúng các bài tập chính tả.

5. Viết đúng cụm từ ứng dụng *đi chợ*.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– SHS, VTV, VBT, SGV.

– Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật (nếu có) dùng minh họa kèm theo thẻ từ.

– Bảng phụ dùng ghi các nội dung cần rèn đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS tham gia trò chơi (GV có thể sử dụng trò chơi có cài đặt một số từ ngữ có âm chữ được học và có liên quan đến chủ đề).
- HS đọc, viết âm chữ *ch, kh*; đọc từ, câu ứng dụng ở bài *ch, kh* (GV có thể cho HS nói câu chứa âm chữ được học và có liên quan đến chủ đề).

2. Ôn tập các âm chữ được học trong tuần

- HS mở SHS, trang 38.
- HS nghe GV giới thiệu bài ôn tập.
- HS đọc các âm chữ vừa học trong tuần (Có thể tổ chức dưới dạng trò chơi học tập, như dán thẻ từ trên bảng, hoặc khoanh tròn các chữ trong một bảng chữ theo kiểu giải ô chữ đã được chuẩn bị trước)¹.
- HS quan sát bảng ghép các âm *d-a-da, d-o-do, d-ô-dô, d-e-de, d-ê-dê, d-i-di; ...* và đánh vần đọc các chữ được ghép.
- HS quan sát bảng ghép chữ và thanh, đánh vần đọc các chữ được ghép: *la-huyền-là, la-sắc-lá, la-nặng-lạ, la-hỏi-lả, la-ngã-lã*. (GV có thể hướng dẫn HS hiểu nghĩa các tiếng vừa đọc bằng hình ảnh hoặc bằng động tác hoặc bằng cách đặt trong cụm từ/câu.)
- HS nói câu có từ ngữ có tiếng chứa âm chữ được ôn tập.

3. Luyện tập đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nội dung bài đọc

- HS nghe GV đọc mẫu.
- HS tìm các tiếng có âm chữ mới được học trong tuần, đánh vần các tiếng.
- HS đọc trơn tiếng/ từ chứa âm chữ mới được học trong tuần.
- HS đọc thành tiếng bài đọc.
- HS tìm hiểu nội dung bài đọc (“Chợ ở đâu?”, “Chợ có những gì?”).

TIẾT 2

4. Tập viết và chính tả

4.1. Tập viết cụm từ ứng dụng

- HS đánh vần, đọc trơn cụm từ ứng dụng *đi chợ*.
- HS nhận diện từ có chứa âm chữ được học trong tuần *i, đ, ch*.

¹ Với HS yếu, GV có thể cho nhìn tranh minh họa và đọc lại danh sách âm chữ.

- HS quan sát cách GV viết và phân tích hình thức chữ viết của từng từ.
- HS viết cụm từ ứng dụng vào vở.
- HS nhận xét bài viết của mình và của bạn.

4.2. Bài tập chính tả

- HS thực hiện bài tập chính tả vào VBT. (Dựa trên cơ sở bài đọc và tên chủ đề, GV tự soạn bài tập cho HS.)
- HS kiểm tra bài làm, tự đánh giá (theo hướng dẫn của GV), sửa lỗi nếu có.
- HS chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài làm của mình.

5. Hoạt động mở rộng

- HS luyện nói về chủ đề *Đi chợ* (GV chủ động thiết kế nội dung này nhằm giúp HS mở rộng vốn từ và phát triển lời nói về chủ đề. GV có thể tích hợp thêm nội dung rèn luyện về âm lời nói cho âm *kh, l, ...*).
- HS tham gia hát/ đọc đồng dao, đọc thơ (ưu tiên bài có nhiều tiếng có âm chữ vừa được ôn và liên quan đến chủ đề của bài học. Tùy thuộc thời gian, điều kiện không gian lớp học, GV có thể tổ chức thêm hoạt động này cho HS. VD: GV có thể tổ chức thi gọi tên nhanh các vật “Cái gì đây?”. Hoặc GV cũng có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi kết hợp nói và vận động; VD: dùng bài đồng dao *Đi chợ về chợ* về chợ theo lời mới cài đặt thêm *c* (*k*), *đ*, *i*, *ch*, *kh*: *Đi chợ về chợ/ Chợ kẻ bờ kè/ Mua cá mua kê/ Mua lê mua khế/ Mua ghé mua kệ/ Mua quả mua rau/ Đi mau về mau/ La cà xin chó/ Đi chợ về chợ...*).

6. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng/ từ chứa âm chữ vừa được ôn tập (ưu tiên quy tắc chính tả *c/ k*, tiếng có *d*, *ch*, *kh*).
- HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Kể chuyện *Bé và chị đi chợ*).

B. KỂ CHUYỆN (tiết 12. SHS, tr. 39)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện và tranh minh họa.
2. Kể từng đoạn của câu chuyện dựa vào tranh minh họa và câu gợi ý dưới tranh.
3. Trả lời được câu hỏi về nội dung câu chuyện, liên hệ bài học trong câu chuyện với bản thân.
4. Sử dụng âm lượng, ánh mắt, giọng nói phù hợp với từng đoạn của câu chuyện.

5. Tin yêu và biết noi theo những tấm gương trung thực, những hành động đẹp.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, SGK.
- Tranh minh hoạ truyện phóng to (nếu có).

Nội dung truyện

Bé và chị đi chợ

1. Bố mẹ đi làm xa, bé và chị ở với bà.

Hôm chủ nhật, bà bận làm vườn, chị và bé đi chợ. Trên đường đi, hai chị em vừa trò chuyện vừa nhâm tính tiền mua thức ăn,...

2. Gần đến chợ, bé chợt nhìn thấy một chiếc ví ai đánh rơi bên lề đường. Hai chị em nhặt lên, mở ra: trong ví toàn tiền là tiền. Hai chị em nhìn quanh, sáng sớm, đường vắng ngắt. Bé hồn nhiên reo:

- Ôi, nhiều tiền quá chị ơi...
- Ừ, chắc người mất đã không biết mình đánh rơi.
- Làm sao bây giờ chị?
- Chị nghĩ ra rồi.

3. Thế rồi, hai chị em cùng vào Ban Quản lí chợ để nhờ trả lại chiếc ví cho người đánh rơi.

Ai cũng khen chị em bé thật thà và tốt bụng.

4. Chị em bé chào các cô chú rồi ra chợ. Bé nghĩ bà sẽ rất vui khi biết chuyện này.

Phạm Minh Châu

Câu hỏi:

Hãy nói với bạn về một lần em đi chợ hoặc đi mua một món đồ nào đó.

Gợi ý:

- Em đi với ai hay đi một mình?
- Em mua món đồ gì?

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện trò chơi/ tham gia hoạt động giải trí có liên quan đến chủ đề.
- HS nhắc lại truyện kể tuần trước (“Tên câu chuyện là gì?”, “Câu chuyện kể về những ai?”, “Em thích nhân vật/ tình tiết nào nhất? Vì sao?”).

2. Khởi động

- HS đánh vần và đọc trơn tên truyện *Chị và bé đi chợ*.
- Dựa vào tranh minh hoạ, HS phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện. (“Tranh vẽ có những ai?”, “Ai xuất hiện nhiều nhất?”, “Câu chuyện diễn ra ở những chỗ nào?”, “Có những chuyện gì xảy ra với hai chị em?”).
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện tập nghe kể chuyện và kể chuyện

- HS nghe GV kể mẫu lần một toàn bộ câu chuyện và liên hệ nội dung câu chuyện với những phán đoán lúc trước của mình.
- HS nghe kể lần hai theo từng đoạn và quan sát tranh minh hoạ theo đúng trật tự diễn biến của câu chuyện.
- HS kể từng đoạn của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ (với âm lượng nhỏ, đủ nghe trong nhóm nhỏ).
- HS/ nhóm HS kể lại toàn bộ câu chuyện trước lớp (với âm lượng kể trước cả lớp).
- HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện. (Gợi ý: GV có thể gợi ý bằng các câu hỏi như “Chị em bé có thật thà, trung thực không?”.)

4. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại tên truyện, số lượng các nhân vật, nhân vật yêu thích.
- HS đọc, nghe kể thêm truyện ở nhà. GV hướng dẫn HS đọc mở rộng (nếu có).
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Chủ đề *Kì nghỉ*).

Chân trời sáng tạo